

Số: /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2022

V/v báo cáo số liệu thống kê tháng  
01 năm 2022

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện Thông tư số 48/2017/TT-BGTVT ngày 13/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ báo cáo thống kê ngành Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải số liệu thống kê tháng 01 năm 2022 như sau:

**I. Báo cáo số liệu thống kê tháng 01/2022.**

1. Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 01 năm 2022 (chi tiết tại biểu mẫu số 28-T phụ lục I gửi kèm) cụ thể:

1.1 Thực hiện khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển 12 tháng của năm 2021 đạt 706,3 triệu tấn (không bao gồm hàng quá cảng không xếp dỡ tại cảng) tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 185 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 214 triệu tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 306 triệu tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng quá cảnh xếp dỡ đạt 1,6 triệu tấn, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó:

a) Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng biển là 24 triệu TEUs, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể:

- Hàng xuất khẩu đạt 7,9 triệu TEUs, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nhập khẩu đạt 7,9 triệu TEUs, tăng 9% so với cùng kỳ năm 2020.
- Hàng nội địa đạt 8,2 triệu TEUs, tăng 5% so với cùng kỳ năm 2020.

b) Khối lượng hàng hóa thông qua bằng tàu biển đạt 480 triệu tấn, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020 và khối lượng hàng hóa thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 225,6 triệu tấn, tăng 1% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy lượt tàu giảm nhưng khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 64 triệu tấn, tăng đến 62% so với cùng kỳ năm 2020.

## 1.2 Nhận xét:

- Khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển trong 12 tháng của năm 2021 tăng 2% so với cùng kỳ năm 2020. Các khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua tăng cao như: Khu vực Thái Bình tăng 52% (từ 2 triệu tấn lên 3 triệu tấn), khu vực Thừa Thiên Huế tăng 51% (từ 2,7 triệu tấn lên 4.2 triệu tấn), khu vực Quảng Ngãi tăng 30% ( từ 34 triệu tấn lên 44,2 triệu tấn), khu vực Quảng Nam tăng 28% ( từ 1,9 triệu tấn lên 2,5 triệu tấn). Ngoài ra, một số khu vực cảng biển khác như Nghệ An, Quảng Trị, Quy Nhơn, An Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp cũng có mức tăng tương đối cao (trên 10%) so với cùng kỳ. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng có nhiều khu vực cảng biển có khối lượng hàng hóa thông qua giảm mạnh như: Khu vực Mỹ Tho giảm 44% (giảm từ 1,9 triệu tấn xuống 1 triệu tấn), khu vực Bình Thuận giảm 23% (từ 17 triệu tấn xuống 13,2 triệu tấn), khu vực Cần Thơ giảm 11% (từ 17,8 triệu tấn xuống 15,8 triệu tấn), khu vực Đồng Nai giảm 10% (từ 22,3 triệu tấn xuống 20 triệu tấn). Các khu vực có khối lượng hàng hóa thông qua cảng lớn nhất cả nước là: Thành phố Hồ Chí Minh đạt 163 triệu tấn, khu vực Vũng Tàu đạt 113,6 triệu tấn, khu vực Quảng Ninh đạt 104 triệu tấn và khu vực Hải Phòng đạt 91 triệu tấn.

- Khối lượng hàng hóa container thông qua cảng trong 12 tháng của năm 2021 tăng 7% so với cùng kỳ năm 2020, đây là mức tăng trưởng tương đối cao. Nhiều khu vực cảng biển có khối lượng hàng container tăng cao như Vũng Tàu tăng 12% (từ 7,5 triệu TEUs lên 8,4 triệu TEUs), khu vực Hải Phòng tăng 11% (từ 5,2 triệu TEUs lên 5,8 triệu TEUs), Khu vực Đà Nẵng tăng 12% (từ 525 nghìn TEUs lên 587 nghìn TEUs), khu vực Quảng Nam tăng 42% ( từ 111 nghìn TEUs lên 159 nghìn TEUs), khu vực Đồng Tháp tăng 40% (từ 16 nghìn TEUs lên 23 nghìn TEUs). Bên cạnh đó, một số khu vực có khối lượng hàng container thông qua cảng biển vẫn đang giảm như: Quảng Ninh giảm 33% (từ 42 nghìn TEUs xuống 28 nghìn TEUs), khu vực Thanh Hóa giảm 56% (từ 13 nghìn TEUs xuống còn 5,8 nghìn TEUs), khu vực Nghệ An giảm 12% (từ 75 nghìn TEUs xuống 66 nghìn TEUs), khu vực Cần Thơ giảm 15% (từ 120 nghìn TEUs xuống 103 nghìn TEUs) so với cùng kỳ năm 2020.

- Số lượng hành khách thông qua cảng biển tháng 12 năm 2021 đạt 164 nghìn lượt, tăng trở lại so với những tháng trước, tuy nhiên chỉ đạt 47% so với cùng kỳ năm 2020 (phần lớn là khối lượng hành khách nội địa tuyến bờ ra đảo và hành khách đi theo tàu chở hàng); số lượt hành khách thông qua cảng biển 12 tháng của năm 2021 đạt 2,6 triệu lượt, giảm 56% so với cùng kỳ năm 2020.

## 2. Ước khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 01 năm 2022

Khối lượng hàng hoá thông qua cảng tháng 01 năm 2022 ước đạt là 60,6 triệu tấn, giảm nhẹ 2% so với cùng kỳ năm 2021

Trong đó: hàng container thông qua cảng biển trong tháng 01 năm 2022 ước đạt 2 triệu TEUs.

## II. Lướt tàu thông qua cảng biển (Chi tiết tại phụ lục II gửi kèm).

### 1. Lướt tàu biển thông qua 12 tháng của năm 2021

- Lướt tàu nước ngoài đạt 78.475 lượt, tăng 48% so với cùng kỳ năm 2020.
- Lướt tàu nội địa đạt 61.229 lượt, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2020.

Trong đó:

- + Tàu xuất nhập cảnh đạt 6.958 lượt, tăng 8% so với cùng kỳ năm 2020.
- + Tàu chạy nội địa đạt 54.581 lượt, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2020.

### 2. Lướt phương tiện thông qua 12 tháng của năm 2021

Lướt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đạt 338 nghìn lượt, giảm 9% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, lướt thông qua bằng phương tiện thủy nội địa đăng ký VR-SB đạt 40,5 nghìn lượt, giảm 12% so với cùng kỳ năm 2020.

## III. Khối lượng và lượt hàng hóa thông qua các cảng do Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VMIC) quản lý trong 12 tháng năm 2021 (Chi tiết tại Phụ lục II)

Khối lượng hàng hóa thông qua các cảng do VMIC quản lý đạt 90,6 triệu tấn, bằng so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 12,7% tổng khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển cả nước, trong đó:

Cảng Hải Phòng có khối lượng hàng hóa thông qua lớn nhất đạt 23,2 triệu tấn chiếm 26%, đứng thứ 2 là cảng bến SSIT đạt 11 triệu tấn chiếm 12% tổng khối lượng hàng hóa do Vinalines quản lý.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Văn phòng (để đăng Website);
- Lưu VT, VTDVHH.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Hoàng Hồng Giang**



**PHỤ LỤC II**  
**BÁO CÁO SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA THÔNG QUA CẢNG BIỂN THÁNG 12 NĂM 2021**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7	
<b>I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng</b>								
<b>1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua</b>								
<b>1.1.1. Tổng số lượt tàu biển</b>	<b>lượt</b>	12.936	10.568	122%	139.704	115.528	121%	
1.1.1.1. Tàu ngoại	lượt	8.300	5.644	147%	78.475	53.131	148%	
1.1.1.2. Tàu nội	lượt	4.636	4.924	94%	61.229	62.397	98%	
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt	628	617	102%	6.958	6.426	108%
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt	4.008	5.541	72%	54.581	55.961	98%
<b>1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng</b>	<b>tấn</b>	<b>61.485.484</b>	<b>61.112.649</b>	<b>100,6%</b>	<b>706.137.226</b>	<b>692.292.116</b>	<b>102%</b>	
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn	16.047.273	16.221.467	99%	185.139.124	177.385.385	104%
	+ Nhập khẩu	tấn	17.462.071	19.806.282	88%	213.535.231	225.688.827	95%
	+ Nội địa	tấn	27.930.020	24.956.862	112%	305.828.877	287.753.051	106%

	+ Hàng quá cảnh bốc dỡ	tấn	46.120	128.038	36%	1.633.994	1.464.853	112%
	+ container	tấn	20.387.960	21.835.196	93%	239.786.056	240.241.596	100%
	+ container	teus	2.121.178	2.120.412	100%	23.994.940	22.417.705	107%
	+ Hàng lỏng	tấn	7.032.643	7.085.929	99%	74.530.034	78.025.449	96%
	+ Hàng kho	tấn	34.018.761	32.063.486	106%	390.187.142	372.560.218	105%
<b>1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượt phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua</b>								
<b>1.2.1. Tổng số PTTND</b>		<b>Lượt</b>	28.047	30.290	93%	338.136	372.715	91%
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB		Lượt	3.082	4.706	65%	40.571	48.653	83%
<b>1.2.2. Tổng số tấn PTTND</b>		<b>tấn</b>	18.664.209	18.729.728	100%	225.646.129	222.597.375	101%
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển		tấn	5.172.811	3.625.263	143%	64.150.939	39.700.971	162%
<b>1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển</b>								
Tổng hàng hóa thông qua cảng		<b>tấn</b>	61.485.484	61.112.649	101%	706.137.226	692.292.116	102%
<b>Trong đó</b>	Hàng hóa thông qua cảng bằng tàu biển	tấn	42.821.275	42.382.921	101%	480.491.097	469.694.741	102,3%
	Hàng hóa thông qua cảng bằng phương tiện thủy nội địa	tấn	18.664.209	18.729.728	100%	225.646.129	222.597.375	101%

<b>II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý</b>	<b>Triệu tấn</b>	<b>7,596</b>	<b>8,181</b>	<b>93%</b>	<b>90,683</b>	<b>90,787</b>	<b>100%</b>
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	Triệu tấn	0,579	0,550	105%	6,807	5,620	121%
Công ty TNHH container Quốc tế Quảng Ninh	Triệu tấn	0,456	0,198	230%	4,044	3,700	109%
Cảng Hải Phòng (CP 94,68% vốn NN)	Triệu tấn	1,940	2,121	91%	23,269	23,609	99%
Cảng Transvina (LD Vinalines chiếm 58%)	Triệu tấn	0,015	0,030	50%	0,300	0,299	100%
Cảng Cửa Lò	Triệu tấn	0,36	0,42	86%	4,1	3,22	127%
Cảng Bến Thủy	Triệu tấn	0,04	0,04	100%	0,46	0,3	153%
Cảng Tiên Sa	Triệu tấn	0,710	0,826	86%	8,794	9,126	96%
Cảng Ba Ngòi	Triệu tấn	0,102	0,100	102%	1,695	1,611	105%
Cảng Sài Gòn	Triệu tấn	0,77	0,93	83%	11,82	9,3	127%
Cảng CMIT	Triệu tấn	0,82	1,11	74%	8,93	13,68	65%

Cảng SP-PSA	Triệu tấn	0,64	0,52	123%	7,3	6,09	120%
Cảng SSIT	Triệu tấn	1,01	1,13	89%	11,01	11,76	94%
Cảng Cái Cui	Triệu tấn	0,073	0,057	128%	0,913	0,605	151%
Cảng Hoàng Diệu	Triệu tấn	0,045	0,078	58%	0,578	0,983	59%
Cảng Vinalines Hậu Giang	Triệu tấn	0,036	0,071	51%	0,663	0,87	76%
<b>III. Hàng hóa quá cảnh và hành khách</b>							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh	Tấn	6.571.537	7.099.421	93%	77.156.460	74.655.747	103%
Lượt Hành khách thông qua	Lượt khách	163.946	347.459	47%	2.639.905	6.044.435	44%